

Bản án số: 02/2017/ KDTM-ST
Ngày: 13/11/2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Hồng Hải

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Dương Văn Thế

- Ông Lê Hải Nam

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trương Thị Thanh Trúc, Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Sông Công.

- **Đại diện VKSND thành phố Sông Công tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Văn Thái. Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017 tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Sông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2016/TLST-KDTM ngày 10 tháng 05 năm 2016 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2016/QĐXX - ST ngày 10/8/2016. Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án KDTM số: 01/2017/QĐST-KDTM ngày 22/5/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương mại Cổ phần V (VP)

Địa chỉ: Số 89, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp Luật : Ông Ngô Chí D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân. VPBank Hội sở theo văn bản ủy quyền số 02/2015/UQ-HĐQT ngày 11/02/2015.

Người được ông Phạm Tuấn A ủy quyền: Bà Phạm Thị T - Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 2B, Tòa án nhà R6, ROYAL, 72A N, quận T, Hà Nội. (Có mặt)

2. Bị đơn: Hợp tác xã Công Nghiệp M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh B - Chức vụ: Chủ nhiệm HTX. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, phường T, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Thái Nguyên

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1: Ông Trịnh Đạt L, sinh năm 1940 (vắng mặt)

Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1945 (vắng mặt)
Đều trú quán ở Tổ 6, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

3.2: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1975 (có mặt)
Bà Dương Thị T1, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Đều trú quán tại TDP 2, phường Th, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

3.3: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1950 (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1948 (vắng mặt)
Đều trú quán tại: TDP 10, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

3.4: Ông Trần Mai N, sinh năm 1972 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Đều trú quán tại: TDP 2, phường Th, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

3.5: Ông Đồng Khải H, sinh năm 1973 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Đều trú quán tại: TDP 2, phường Th, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

3.6: Ông Phạm Văn V1, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Bà Trần thị T, sinh năm 1948 (có mặt)
Đều trú quán tại: TDP 2, phường Th, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/03/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 180414-34426-01-SME ngày 22/04/2014, hợp tác xã (HTX) M, địa chỉ sở tại: TDP 9, phường Th, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Thái Nguyên; Đại diện theo pháp luật là ông Ngô Minh B - chức vụ: Chủ nhiệm Hợp tác xã, vay vốn của VP-Thái Nguyên (tính trên các khế ước nhận nợ còn dư nợ ở thời điểm khởi kiện) với tổng số tiền là số tiền vay: 1.325.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm hai lăm triệu đồng chẵn), cụ thể theo các Khế ước nhận nợ sau

Khế ước nhận nợ: Số 300115-344246-01-SME ngày 31/01/2015.

Số tiền nhận nợ (VNĐ): 1.325.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 04 tháng từ ngày 31/01/2015 đến ngày 31/05/2015

Lãi suất: 11.15%/năm được cố định 01 tháng và điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh công biên độ 4.05% /năm

Thời hạn trả nợ: trả nợ gốc một lần khi kết thúc thời hạn vay (ngày 31/05/2015). Kỳ trả nợ lãi: Hàng tháng định kỳ trả 01tháng/01 lần, vào ngày 20 hàng tháng. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là ngày 20/02/2015.

a. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm có:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 157A, tờ bản đồ 47-IV, địa chỉ: phường Th, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị T, ông Phạm Văn V và bà Nguyễn Thị Kim C, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 656682 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 13/01/2012, xác lập thế chấp tại VP theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng: 750 ngày 05/02/2013.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 34-III, địa chỉ tại: Phường L, thị xã S, tỉnh Bắc Thái (nay là Tỉnh Thái Nguyên) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trịnh Đạt L và vợ là Trịnh Thị D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A223265 do UBND thị xã Sông Công cấp ngày 14/06/1991, xác lập thế chấp tại VP theo Hợp đồng thế chấp Chứng thực số 06 ngày 20/02/2012 của UBND phường L, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên và các Phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 157C, tờ bản đồ số 47-IV, địa chỉ: Phường Th, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phạm Văn T và vợ là Dương Thị T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 656687 do UBND thị xã Sông Công cấp ngày 13/01/2012, xác lập thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 752 ngày 05/02/2013.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 64, tờ bản đồ 47-I, địa chỉ: Phường M, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị O theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 574726 do UBND thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 13/03/2008, xác lập thế chấp tại VP theo Hợp đồng thế chấp chứng thực số 14 ngày 20/02/2012 của UBND phường M, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên và các phụ lục Hợp đồng thế chấp kèm theo.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 206C, 206E, tờ bản đồ số 50-I, địa chỉ: xóm M, xã T, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên (*nay là phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên*), thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Mai N và vợ là bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 181768 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 17/11/2008, xác lập thế chấp tại VP theo Hợp đồng thế chấp công chứng số: 848 ngày 08/05/2012 và các phụ lục Hợp đồng thế chấp kèm theo.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 157B, tờ bản đồ số 47-IV, địa chỉ : phường Th, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên thuộc sở hữu, sử dụng của bà Phạm Thị Thùy và chồng là ông Đồng Khải H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH656658 do UBND thị xã S, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 13/01/2012 , xác lập thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số 748 ngày 05/02/2013.

c. Quá trình thực hiện hợp đồng HTX công nghiệp M vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VP (*vi phạm điều 5 hợp đồng tín dụng số 180414-344246-01-SME ngày 31/01/2015 và Điều 1 khế ước nhận nợ kèm theo*) nên VP căn cứ vào Điều 7 của Hợp đồng tín dụng nêu trên chuyển toàn bộ khoản nợ vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/06/2015, với mức lãi suất quá hạn như thỏa thuận. Tạm tính đến ngày 13/11/2017, HTX công nghiệp M còn nợ VP số tiền như sau:

Nợ gốc: 1.325.000.000 đ.

Nợ lãi trong hạn tổng cộng: 47.006.2015 đồng đã trả 43.088.310 đồng còn nợ lại : 3.917.905 đồng

Lãi quá hạn: 506.031.302 đồng

Phạt chậm trả: 103.410.335 đồng

Tổng cộng: 1.938.359.542 đồng

* Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (VP) rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phạt lãi chậm trả 103.410.335đ.

Đề nghị:

a) Tòa án buộc HTX công nghiệp M phải thanh toán cho VP toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi, kể cả lãi quá hạn và các khoản chi phí phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 13/11/2017, khoản tiền là:

Nợ gốc: 1.325.000.000 đồng

Nợ lãi: 509.494.207 đồng

tổng cộng: 1.834.949.207 đồng

b) Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày HTX công nghiệp M thực tế thanh toán hết nợ cho VP.

c) Đề nghị Tòa tuyên trong bản án về việc VP có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Lời khai của bị đơn:

Ông Nguyễn Minh B, Chủ nhiệm HTX công nghiệp M trình bày: HTX công nghiệp M có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần V (VP) với số tiền gốc: 1.325.000.000đ. Sau khi được Ngân hàng giải ngân, HTX có giao cho các xã viên nhận tiền: Ông Đồng Khải H 200.000.000đ, ông Trịnh Đạt D 600.000.000đ, ông Trần Mai N 525.000.000đ. Tất cả các xã viên đã nhận tiền và đã chuẩn bị đủ tiền để trả Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho những người liên quan nộp tiền theo số tiền giải ngân trước tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đồng Khải H và bà Phạm Thị T trình bày: Vợ chồng bà có nhờ HTX công nghiệp M vay 200.000.000đ tiền nợ gốc của Ngân hàng VP và đã thế chấp bằng 03 giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản trên đất của ông Phạm Văn T, bà Trần Thị T, bà Phạm Thị T với thời hạn vay một năm. Nay đã hết thời hạn được vay. Đề nghị đã trả nợ với số tiền nợ gốc 200.000.000đ và lãi theo HĐ để được rút tài sản thế chấp.

Ông Trần Mai N bà Nguyễn Thị H, bà Trịnh Thị T1, ông Phạm Văn V, bà Vương Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Trịnh Đ lăm, bà Trịnh Thị D, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị O đều trình bày: Việc các gia đình đã thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản trên đất cho Ngân hàng để HTX công nghiệp M được vay tiền. Đề nghị HTX công nghiệp M phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng và trả lại tài sản đã thế chấp lại cho các gia đình.

Ý kiến của VKS tham gia phiên tòa: Tại phiên Tòa sau khi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố

tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp Luật. Tuy nhiên, đối với nguyên đơn còn chậm nộp tiền tạm ứng án phí, cụ thể ngày 27/04/2016 nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng đến ngày 10/5/2017 mới nộp tiền tạm ứng án phí, như vậy đã quá thời hạn 7 ngày theo quy định tại Điều 195 BLTTDS.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp; Áp dụng các điều 30, 35, 39, 147 BLTTDS; Điều 317, 319, 320, 323 và 466 BLDS 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, buộc HTX công nghiệp Minh Bằng phải trả cho ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn, tính đến ngày 13/11/2017 tổng số tiền phải trả là 1.834.949.207 đồng. Trong trường hợp không trả được nợ thì ngân hàng có quyền giải quyết xử lý tài sản thế chấp. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phạt chậm trả đối với HTX công nghiệp M. Ngoài ra HTX công nghiệp M phải chịu án phí KDTM sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ theo pháp Luật của đương sự, Thẩm phán và HĐXX. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]: Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Thế chấp phát sinh trong hoạt động KDTM, có đăng ký kinh doanh với mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đạt L, bà Trịnh Thị D, ông Phạm Văn V đã có đơn xin xử án vắng mặt. Bà Nguyễn Thị O, bà Dương Thị T bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị Th, ông Phạm Văn V1, bà Nguyễn Thị Kim C Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định của pháp Luật được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: HTX công nghiệp M đã ký HĐ cấp hạn mức tín dụng số: 180414-344246-01-SME ngày 22/4/2014 với Ngân hàng TMCP V (VP) với hạn mức 2.000.000.000đ. Với khế ước nhận nợ số 300115-344246-01SME ngày 31/01/2015 đã được Ngân hàng VP giải ngân 01 lần với số tiền 1.325.000.000đ. Thời hạn vay 04 tháng từ 31/01/2015 đến 31/5/2015. Để đảm bảo khoản vay bằng các HĐ thế chấp tài sản là:

Hợp đồng thế chấp số H13.0205.004/HĐTC-BDS ngày 05/2/2013 (*Trần Thị T1 - Phạm Văn V1 - Nguyễn Thị Kim C*) toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 656682 cấp ngày 13/01/2012 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00340c đứng tên Trần Thị T1 - Phạm Văn V1. Cụ thể thửa đất số 157A TĐĐ 47-IV, diện tích 170m². Mọi công trình , tài sản

khác được xây dựng, cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường Th, thành phố S, Thái Nguyên.

Hợp đồng thế chấp số: H12.0220.001/HĐTC ngày 20/2/2012 và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A 223265 cấp ngày 14/6/1991 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 04605. QSDĐQ3 đứng tên ông Trịnh Đạt L bà Trịnh Thị D. Cụ thể thửa đất số 42 TĐĐ 34-III, diện tích 350m². Tài sản thế chấp là nhà xây cấp 4 và các công trình, tài sản khác được cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường L, thành phố S, Thái Nguyên.

Hợp đồng thế chấp số: H13.0205.005/HĐTC –BDS ngày 05/02/2013 toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 656687 cấp ngày 13/01/2012 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00338 đứng tên ông Phạm Văn T. Cụ thể thửa đất số 157C TĐĐ 47-IV, diện tích 137m². Mọi công trình, tài sản khác được xây dựng, cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường Th, thành phố S, Thái Nguyên.

Hợp đồng thế chấp số: H12.0220.002/HĐTC ngày 20/2/2012 và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 574723 cấp ngày 13/3/2008 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00609D đứng tên bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Văn V. Cụ thể thửa đất số 64 TĐĐ 47-I, diện tích 1096m². Tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4 và các công trình, tài sản khác được cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường M, thành phố S, Thái Nguyên.

Hợp đồng thế chấp số: H12.0508.024/HĐTC ngày 08/5/2012 và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 181768 cấp ngày 17/11/2008 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01363H đứng tên Trần Mai N. Cụ thể thửa đất số 206C, 206E. Đối chiếu với bản đồ địa chính chính lý thì vị trí đúng của thửa đất nằm trên thửa 260C và 260E được tách ra từ thửa số 260 TĐĐ 50-I, diện tích 393m². Các công trình, tài sản khác được cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Xóm M, xã T, thị xã S, (nay là TDP M, phường B, thành phố S, Thái Nguyên).

Hợp đồng thế chấp số: H13.0205.003/HĐTC-BDS ngày 05/12/2013 đề thu hồi nợ theo quy định. toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 656658 cấp ngày 13/01/2012 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00339C đứng tên Phạm Thị Th. Cụ thể thửa đất số 157B TĐĐ 47-IV, diện tích 83m². Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường Th, thành phố S, Thái Nguyên.

[3]: Xét hợp đồng cấp hạn mức tín dụng (HĐTD) số 180714-344246-01 SME ngày 22/4/2014 và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (HĐTCQSDĐ) và tài sản gắn liền với đất vay vốn Ngân hàng nêu trên, các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp Luật. Mặc dù đối với HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vay vốn ngân hàng số H12.0220.001/HĐTC ngày 17/2/2012 cũng như phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ

ngày 06/02/2013 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHD ngày 22/4/2014 bên thế chấp là ông Trịnh Đạt L và bà Trịnh Thị D. Tài sản thế chấp: Thửa đất số 42 tờ bản đồ 32-III diện tích đất là 350m², tài sản gắn liền với đất là: nhà xây cấp 4. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/11/2017 thấy: Trên phần đất đã thế chấp có một sân lát gạch đỏ khoảng 92m², lợp mái tôn diện tích khoảng 59m² mái pro xi măng khoảng 18m². Phía Nam có một phần nhà xây cấp 4 nằm trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (phần nhà còn lại nằm trên phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Qua xác minh thấy phần đất ông L bà D làm nhà được nhận chuyển nhượng từ năm 1990, đến năm 1994 làm nhà ở và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay không có tranh chấp. Khi hợp đồng thế chấp đất và tài sản (nhà cấp 4), ông L bà D đã tự nguyện thế chấp khối tài sản này để cho HTX công nghiệp M vay vốn ngân hàng VP do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy: Quá trình thực hiện Hợp đồng, HTX công nghiệp M không thực hiện đúng nội dung Hợp đồng cấp hạn mức về thời hạn và phương thức trả nợ (Điều 5), chưa trả được số tiền nợ gốc 1.325.000.000đ và lãi trong hạn, lãi quá hạn.... Đối với các Hợp đồng thế chấp QSDĐ vay vốn Ngân hàng của tất cả các bên thế chấp tài sản “*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để cho bên vay*” HXT công nghiệp M cũng chưa thực hiện được các nghĩa vụ bảo đảm và thời hạn thế chấp theo khoản 2 của Hợp đồng. Vì vậy cần buộc bên vay và bên thế chấp tài sản (*QSDĐ và tài sản*) trên đất phải có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc mà HTX công nghiệp M đã vay và tiền lãi phát sinh cũng như xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa người được nguyên đơn ủy quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện không tính phạt lãi quá hạn số tiền 103.410.335đ mà chỉ yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/11/2017 số tiền nợ gốc 1.325.000.000đ,

- Lãi trong hạn và lãi quá hạn : 509.949.207đ

Tổng cộng: 1.834.949.207đ

Sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí là phù hợp, đúng quy định của pháp Luật cần được chấp nhận. Tính đến ngày 13/11/2017 HTX Công Nghiệp M còn nợ Ngân hàng VP: Nợ gốc: 1.325.000.000 đồng, nợ lãi: 509.949.207 đồng. Tổng cộng: 1.834.949.207 đồng.

Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả khoản tiền vay và tổng số tiền là 1.834.949.207 đồng (*gồm nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm*), Và tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng cho đến khi thi hành xong, đồng thời yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí và các chi phí tố tụng khác. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp Luật .

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 30, khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147, Điều 157; Điều 158 bộ Luật Tổ tụng Dân sự.

Áp dụng: Điều 317; Điều 319; Điều 320; Điều 323; Điều 326 ; Điều 466 Bộ Luật Dân sự.

Áp dụng: Điều 90, Điều 91, điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng 2010; Điều 68 Nghị định: 163/NĐ/2006 ngày 29/12/2006. Pháp lệnh số 10/2006/PLTA ngày 27/2/2009 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH TMCP V

Buộc: HTX Công nghiệp M - đại diện ông Ngô Minh B- chủ nhiệm hợp tác xã có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc: 1.325.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn: 509.949.207 đồng. Tổng cộng: 1.834.949.207 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm 13.11.2017 cho đến khi bên phải Thi Hành án thì hành xong, bên phải Thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi xuất theo thỏa thuận tại hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 180414-344246-01-SME và khế ước nhận nợ kèm theo để trả cho bên được thi hành án *(không phạt lãi chậm trả)*.

Trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp Luật có quy định khác

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp Luật nếu bên phải thi hành án HTX Công nghiệp M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo quyết định bản án thì bên được thi hành án (NHTMCP VP) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có quyền xử lý các tài sản đã thế chấp:

Hợp đồng thế chấp số H13.0205.004/HĐTC-BĐS ngày 05/2/2013 (Trần Thị T1 - Phạm Văn V1 - Nguyễn Thị Kim C) toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 656682 cấp ngày 13/01/2012 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00340c đứng tên Trần Thị T1 - Phạm Văn V1. Cụ thể thửa đất số 157A TĐĐ 47-IV, diện tích 170m². Mọi công trình , tài sản khác được xây dựng, cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường Th, thành phố S, Thái Nguyên.

Hợp đồng thế chấp số: H12.0220.001/HĐTC ngày 20/2/2012 và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A 223265 cấp ngày 14/6/1991 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 04605. QSDĐ/Q3 đứng tên ông Trịnh Đạt L, bà Trịnh Thị D. Cụ thể thửa đất số 42 TĐĐ 34-III, diện tích 350m². Tài sản thế chấp là nhà xây cấp 4 và các công trình, tài sản khác được cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường L, thành phố S, Thái Nguyên.

Hợp đồng thế chấp số: H13.0205.005/HĐTC –BDS ngày 05/02/2013 toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 656687 cấp ngày 13/01/2012 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00338C đứng tên ông Phạm Văn Th. Cụ thể thửa đất số 157C TĐĐ 47-IV, diện tích 137m². Mọi công trình, tài sản khác được xây dựng, cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường Th, thành phố S, Thái Nguyên.

Hợp đồng thế chấp số: H12.0220.002/HĐTC ngày 20/2/2012 và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 574723 cấp ngày 13/3/2008 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00609D đứng tên bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Văn V. Cụ thể thửa đất số 64 TĐĐ 47-I, diện tích 1096m². Tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4 và các công trình, tài sản khác được cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường M, thành phố S, Thái Nguyên.

Hợp đồng thế chấp số: H12.0508.024/HĐTC ngày 08/5/2012 và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 181768 cấp ngày 17/11/2008 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01363H đứng tên Trần Mai N. Cụ thể thửa đất số 206C, 206E. Đối chiếu với bản đồ địa chính chính lý thì vị trí đúng của thửa đất nằm trên thửa 260C và 260E được tách ra từ thửa số 260 TĐĐ 50-I, diện tích 393m². Các công trình, tài sản khác được cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Xóm M, xã T, thị xã S, (nay là TDP M, phường B, thành phố S, Thái Nguyên).

Hợp đồng thế chấp số: H13.0205.003/HĐTC-BDS ngày 05/12/2013 để thu hồi nợ theo quy định. Toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 656658 cấp ngày 13/01/2012 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00339C đứng tên Phạm Thị Th Cụ thể thửa đất số 157B TĐĐ 47-IV, diện tích 83m². Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Địa chỉ: Phường Th, thành phố S, Thái Nguyên.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VP phạt lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc: 1.325.000.000 đồng đối với HTX công nghiệp M.

3. Án phí: Ngân hàng VP không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Hoàn trả cho Ngân hàng VP 28.325.540 đồng dự phí sơ thẩm theo biên lai số: 0010500 ngày 10/05/2016 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công

Bị đơn HTX công nghiệp M phải chịu 67.048.476 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

HTX công nghiệp M phải chịu 12.000.000 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ trả lại cho Ngân hàng VP.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp Luật được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Sông Công
- VKSND TP Sông Công
- THA dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Chu Thị Hồng Hả